

Bản án số: **51/2018/HS-PT**

Ngày: 10-5-2018

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Năm

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Bé

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:***  
Ông Lương Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 49/2018/TLPT-HS ngày 13 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Phạm Võ Thanh T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2018/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q.

***- Các bị cáo có kháng cáo:***

**1. Phạm Võ Thanh T** sinh ngày 14 tháng 9 năm 1997 tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Thợ tiện; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm S và bà Võ Thị N; Có vợ: Đinh Thị M và 01 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 14-4-2018 đến nay; có mặt.

**2. Võ Duy H** sinh ngày 04 tháng 6 năm 1995 tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Thợ đóng tàu biển; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Tiến C và bà Trương Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 14-4-2018 đến nay; có mặt.

**3. Lê Văn H** sinh ngày 27 tháng 7 năm 1995 tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Quang V và bà Nguyễn Thị K; vợ, con: Chưa có; tiền

án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 13-4-2018 đến nay; có mặt.

**4. Lê Quốc K** sinh ngày 05 tháng 5 năm 1999 tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn S, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê L và bà Đinh Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 14-4-2018 đến nay; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Công Đ – Sinh năm: 1997, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Công N – Sinh năm: 26-4-1999, vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Công N:* Ông Nguyễn Công Đ, sinh năm: 1969 và bà Đặng Thị Mỹ L, sinh năm: 1971.

Cùng trú tại: Thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Công Đ, sinh năm: 1969 và bà Đặng Thị Mỹ L, sinh năm: 1971.

Cùng trú tại: Thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1997.

Trú tại: Thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Công V, sinh năm: 1988.

Trú tại: Thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Nhật L, sinh ngày: 19/9/2000.

Trú tại: Thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Tấn N, sinh ngày: 19/02/2000.

Trú tại: Thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1995.

Trú tại: Thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 25-01-2017, Phạm Võ Thanh T cùng với Lê Quốc K đến nhà anh Nguyễn Công Viên ăn cúng tất niên. Tại đây T và K gặp Nguyễn Nhật L. Do T và L có mâu thuẫn từ trước nên T đến bàn L đang ngồi và

nói với L “Thôi chuyện đánh lộn trước kia bỏ qua, anh em mình giảng hòa, thôi tao mời mày 01 ly”. L uống xong ly bia thì L cầm ly đánh T. Sau đó, T, K và Lê Tấn Công xô xát với L, Nguyễn Công Đ và nhóm của Đ thì được mọi người can ngăn.

Sau khi đi khỏi nhà anh Nguyễn công Viên thì T thống nhất với K rủ bạn trong nhóm đến đánh lại Đ và nhóm Đ thì K đồng ý. K sử dụng xe mô tô chở Công đi khâu vết thương, T đi ngang qua nhà Đ thì thấy Đ, Nguyễn Công N và nhóm của Đ và N có khoảng 14 thanh niên đang ngồi nhậu. T quay về ngã tư gần Ủy ban nhân dân xã N rồi điện thoại rủ Võ Duy H, Lê Văn H, Võ Tấn v, Phan Thanh T và Phạm Đình D đến ngã tư. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì H, H, V, T, D và khoảng 06 đến 07 thanh niên là bạn của T và D đến ngã tư trước Ủy ban nhân dân xã N gặp T và K. Tại đây, T rủ K, H, H, V, T và D kéo đến nhà Đ để đánh Đ, N và nhóm Đ và N thì tất cả đều đồng ý.

T chạy về nhà lấy 01 cây mã tấu tự chế, 01 cây kiếm ống tự chế và nhiều vỏ chai bia Dung Quất đến ngã tư Ủy ban nhân dân xã N. Tại đây, T cùng K và H sử dụng vỏ chai bia Dung Quất và xăng làm 05 chai bom xăng. Sau đó, T cầm 01 cây mã tấu tự chế, H cầm 01 khúc cây gỗ, H cầm 01 cây tuýt sắt, K cầm 01 khúc cây gỗ, D cầm 01 cây kiếm ống tự chế do T mang đến, T cầm 01 cây ba trắc bằng kim loại, V cầm 02 chai bom xăng và khoảng 06 đến 07 thanh niên khác đi bộ đến nhà Đ để đánh Đ, N và nhóm của Đ, N đang ở nhà Đ. Khi đi đến trước nhà Đ, T và nhóm của T thấy Đ, N và nhóm của Đ và N đang ngồi nhậu bên trong thì T cùng K, H, D, T và V cầm hung khí xông vào, H cầm cây tuýt sắt đứng ngoài để hỗ trợ cho nhóm T. Thấy nhóm của T xông vào, Đ, N và một số thanh niên ngồi nhậu bỏ chạy, K lượm 01 ly thủy tinh ném về phía 01 thanh niên trong nhóm của Đ và N. Đ chạy xuống nhà bếp thì T cùng Duy, Thắng và H rượt theo. T cầm mã tấu tay phải từ phía sau chém 01 nhát trúng vào bả vai bên phải của Đ, Đ quay lại thì T tiếp tục chém 01 nhát trúng vào tay của Đ. Đ bỏ chạy thì T, D, T và H rượt theo, H cầm cây đứng ngay cửa phòng bếp để ngăn cản nhóm của Đ xuống giải vây cho Đ. Khi bị đánh, Đ chống trả lại thì bị D ôm Đ lại và T cầm 01 vỏ chai bia Dung Quất đập vào đầu của Đ 01 cái làm Đ ngã xuống. Lúc này N thấy Đ bị đánh nên N cầm 02 vỏ chai bia Dung Quất chạy ra giải vây cho Đ. Thấy N chạy ra, T cầm mã tấu chém nhiều nhát trúng vào vùng đầu, mặt và hai tay của N. Sau khi gây thương tích cho Đ và N, T bỏ chạy ra phía trước lấy 01 chai bom xăng mà Việt đang cầm ném lên mái nhà, rồi cả nhóm bỏ đi.

Ngay sau khi bị chém gây thương tích, Nguyễn Công Đ và Nguyễn Công N được đưa đến Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi điều trị, sau đó chuyển đến điều trị tại Bệnh viện đa khoa thành phố Đà Nẵng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 27/2017/GDPY ngày 03/3/2017 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi về thương tích của Nguyễn Công Đ: 01 sẹo đỉnh trái kt (5x0,3)cm màu nâu; đứt lìa đốt xa ngón 3 bàn tay phải, 01 sẹo vùng khuỷu tay phải kt (2x0,5)cm, 01 sẹo khuỷu tay trái kt (2x0,5) cm; 01 sẹo bả vai phải kt (7x0,8)cm màu nâu. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của anh Nguyễn Công Đ là 14%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 28/2017/GDPY ngày 03/3/2017 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi về thương tích của Nguyễn Công N: 02 sẹo da đầu vùng cằm; 02 sẹo má phải; 01 sẹo cẳng tay phải kt (3,5x0,4)cm; 01 sẹo cánh tay trái kt (2,5x0,2)cm. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của anh Nguyễn Công N là 15%.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2018/HSST ngày 26-01-2018, Tòa án nhân dân thành phố Q quyết định:

\* Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Võ Thanh T, Võ Duy H, Lê Văn H và Lê Quốc K phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Võ Thanh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Bị cáo Võ Duy H 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 69; khoản 1 Điều 74; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quốc K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09-02-2018, các bị cáo Phạm Võ Thanh T, Võ Duy H, Lê Văn H và Lê Quốc K có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đề nghị Hội đồng xét xử: Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Võ Thanh T, Võ Duy H, Lê Văn H và Lê Quốc K nằm trong hạn luật định. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Phạm Võ Thanh T, Võ Duy H, Lê Văn H và Lê Quốc K về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự là có

căn cứ, đúng pháp luật; xử phạt mức hình phạt đối với bị cáo T 03 năm 06 tháng tù, bị cáo H 02 năm tù, bị cáo H 02 năm tù và bị cáo K 01 năm 06 tháng tù là phù hợp, không nặng. Tại giai đoạn phúc thẩm các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết gì mới nên không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HSST ngày 26-01-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Võ Thanh T, Võ Duy H, Lê Văn H và Lê Quốc K vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử các bị cáo Phạm Võ Thanh T, Võ Duy H, Lê Văn H và Lê Quốc K về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Phạm Võ Thanh T, Võ Duy H, Lê Văn H và Lê Quốc K thì thấy:

Đối bị cáo Phạm võ Thanh T là người trực tiếp chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội; trực tiếp dùng mã tấu, vỏ chai bia là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho anh N và anh Đ; rủ rê, xúi giục các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội trong đó có bị cáo K là người chưa thành niên.

Đối với các bị cáo Lê Quốc K, Võ Duy H và Lê Văn H, tuy các bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho anh N và anh Đ nhưng khi nghe bị cáo T rủ đi đánh nhóm của Đ, N thì các bị cáo đồng ý và mang hung khí đi đánh. Lúc đến nhà anh Đ thì các bị cáo cũng mang hung khí xông vào đánh. Chúng tỏ các bị cáo tham gia với vai trò giúp sức tích cực.

Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo; tại giai đoạn phúc thẩm bị hại Nguyễn Công Đ và Nguyễn Công N viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Phạm Võ Thanh T, Võ Duy H, Lê Văn H và Lê Quốc K; bị cáo Lê Văn H cung cấp giấy tờ chứng minh ông nội bị cáo là ông Lê Thu được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đây là tình tiết mới được cấp phúc thẩm áp dụng cho các bị cáo Võ Duy H, Lê Văn H và Lê Quốc K. Tuy các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được cấp phúc thẩm áp dụng cho các bị cáo, nhưng xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, thì thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 03 năm 06 tháng tù, bị cáo H 02 năm tù, bị cáo H 02 năm tù và bị cáo K 01 năm 06 tháng tù là cần thiết và không nặng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình

phạt và được hưởng án treo của các bị cáo Phạm Võ Thanh T, Võ Duy H, Lê Văn H và Lê Quốc K.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[4] Các bị cáo Phạm Võ Thanh T, Võ Duy H, Lê Văn H và Lê Quốc K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo Phạm Võ Thanh T, Võ Duy H, Lê Văn H và Lê Quốc K. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HSST ngày 26-01-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Võ Thanh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 14-4-2018.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Bị cáo Võ Duy H 02 (hai) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 14-4-2018.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 02 (hai) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 13-4-2018.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; khoản 1 Điều 74; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quốc K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 14-4-2018.

2. Các bị cáo Phạm Võ Thanh T, Võ Duy H, Lê Văn H và Lê Quốc K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND tp Q;
- Công an tp Q;
- Chi cục THA dân sự tp Q;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Năm**